

Số: 2168/QĐ-ĐHGD

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Giáo dục – ĐHQGHN
đến năm 2025 tầm nhìn 2035**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 03/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Giáo dục thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy định về Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Giáo dục ban hành theo Quyết định số 568/QĐ-TCCB ngày 02/07/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục;

Theo đề nghị của Trường phòng Kế hoạch – Tài chính,*

QUYẾT ĐỊNH:

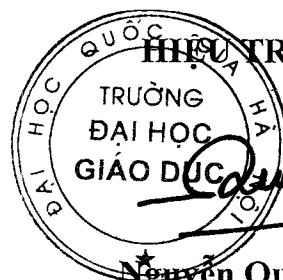
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Chiến lược phát triển Trường Đại học Giáo dục – ĐHQGHN đến năm 2025 tầm nhìn 2035.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng phòng chức năng, Chủ nhiệm khoa và các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *VT*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- ĐHQGHN (để BC);
- Đơn vị trực thuộc Trường (để t/h);
- Website Trường;
- Lưu: VT, KH-TC.



Nguyễn Quý Thanh
Nguyễn Quý Thanh

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC - ĐHQGHN
ĐẾN NĂM 2025 TẦM NHÌN 2035**

*(Ban hành theo Quyết định số 2168/QĐ-ĐHGD ngày 20 tháng 12 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục)*

Hà Nội, 12/2018

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	I
1. MỞ ĐẦU	1
2. BỐI CẢNH.....	2
2.1. Quốc tế và khu vực	2
2.2. Trong nước	3
3. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN.....	5
4. SỨ MẠNG, TẦM NHÌN VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI.....	5
4.1. Sứ mạng.....	5
4.2. Tầm nhìn 2035	5
4.3. Giá trị cốt lõi.....	6
4.4. Khẩu hiệu hành động	6
5. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC.....	6
5.1. Mục tiêu chung	6
5.2. Mục tiêu cụ thể	6
6. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM	9
6.1. Đào tạo	9
6.2. Khoa học và Công nghệ	9
6.3. Hợp tác phát triển.....	10
6.4. Tổ chức cán bộ.....	10
6.5. Cơ sở vật chất	10
7. CÁC GIẢI PHÁP CƠ BẢN.....	11
7.1. Đổi mới quản trị đại học, xây dựng văn hóa chất lượng.....	11
7.2. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và phát triển đội ngũ cán bộ	11
7.3. Hiện đại hóa cơ sở vật chất	12
7.4. Gia tăng nguồn lực tài chính.....	14
7.5. Tăng cường chất lượng và hiệu quả hoạt động hợp tác phát triển.....	14
8. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	16
8.1. Phổ biến kế hoạch chiến lược.....	16
8.2. Tổ chức thực hiện	16
8.3. Lộ trình thực hiện.....	17
PHỤ LỤC.....	18

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CB	Cán bộ
CBKH	Cán bộ khoa học
CLPT	Chiến lược phát triển
CM KHCN 4.0	Cách mạng khoa học công nghiệp lần thứ tư
CNGD	Công nghệ giáo dục
CSVC	Cơ sở vật chất
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐH	Đại học
ĐHGD	Đại học Giáo dục
ĐHNC	Đại học nghiên cứu
ĐHQGHN	Đại học Quốc gia Hà Nội
GD	Giáo dục
GD&ĐT	Giáo dục & Đào tạo
GDDH	Giáo dục Đại học
GV	Giảng viên
HS	Học sinh
HV	Học viên
KĐCL	Kiểm định chất lượng
KH-CN	Khoa học – Công nghệ
KHGD	Khoa học giáo dục
NCKH	Nghiên cứu khoa học
SĐH	Sau Đại học
SV	Sinh viên
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
VN	Việt Nam
GS	Giáo sư
PGS	Phó giáo sư

1. MỞ ĐẦU

Là một Trường Đại học (ĐH) thành viên của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) - mô hình ĐH định hướng nghiên cứu, đa ngành, đa lĩnh vực, có tính tự chủ cao, Trường Đại học Giáo dục (ĐHGD) có vai trò quan trọng hoàn thành sứ mệnh chung của ĐHQGHN.

Sau gần 20 năm thành lập với tiền thân là Khoa sư phạm trực thuộc ĐHQGHN (1999), Trường ĐHGD có một diện mạo mới với nhiều khởi sắc, từng bước khẳng định được uy tín, tạo được vị thế vững chắc trong ĐHQGHN và khu vực về đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và hợp tác quốc tế. Hiện nay, Nhà trường có 8 ngành đào tạo đạo học, 11 chương trình đào tạo Thạc sĩ và 03 chương trình Tiến sĩ. Đội ngũ cán bộ (CB), giảng viên (GV) trẻ, năng động, nhiệt huyết, có trình độ cao với tỉ lệ Giáo sư (GS) và Phó giáo sư (PGS): 30%, Tiến sĩ: 84%. Nhà trường đã hoàn thiện việc tái cấu trúc với 7 Phòng chức năng, 5 Khoa chuyên môn và 5 trung tâm nghiên cứu. Đã tiến hành rà soát, sắp xếp bố trí nhân sự tinh gọn phù hợp với đề án vị trí việc làm và yêu cầu công việc. Trong giai đoạn tiếp theo, Trường ĐHGD tiếp tục xây dựng một số đề án mở ngành mới đáp ứng nhu cầu thực tiễn của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CM CN 4.0); mang lại cơ cấu đào tạo hợp lý giữa đào tạo ĐH và SDH, giữa nền tảng sư phạm gắn với KHGD. Đây cũng là sứ mệnh tiên phong, đổi mới giáo dục (GD) của Nhà trường, của ĐHQGHN.

Trong xu thế phát triển của những công nghệ mới, công nghệ thông minh của nền công nghiệp 4.0, với tư cách là một thành viên của ĐHQGHN, Trường ĐHGD có vai trò tiên phong trong nghiên cứu KHGD, đẩy mạnh đào tạo về các KHGD, chú trọng Công nghệ giáo dục (CNGD). Bên cạnh đó, Nhà trường còn phải đối mặt với nhiều khó khăn nội tại cũng như thách thức từ bên ngoài. Đó là, số lượng ngành đào tạo về KHGD ít; qui mô đào tạo các ngành sư phạm và các ngành khác còn quá nhỏ chưa tương xứng với mô hình một trường ĐH; cơ cấu ngành nghề đào tạo chưa cân đối giữa đào tạo sư phạm và ngoài sư phạm làm giảm khả năng tuyển sinh; tình trạng khó khăn chung về việc làm của sinh viên (SV) ngành sư phạm; chất lượng đội ngũ GV chưa đồng đều; số lượng bài báo quốc tế không nhiều; so sánh với các chỉ số theo tiêu chuẩn Đại học nghiên cứu (ĐHNC) của ĐHQGHN còn ở mức thấp; hạ tầng cơ sở vật chất (CSVCh) thiếu đồng bộ, rất chật hẹp, phân tán nhiều địa điểm...

Chiến lược phát triển (CLPT) Trường ĐHGD đến năm 2025 tầm nhìn 2035 sẽ tiếp tục phát huy các thành tựu, khắc phục các hạn chế nêu trên, bám sát các Nghị

quyết của Trung ương về đổi mới Giáo dục & Đào tạo (GD&ĐT), phát triển Khoa học – Công nghệ (KH-CN); CLPT ĐHQGHN đến năm 2020 tầm nhìn 2030; Kế hoạch phát triển ĐHQGHN giai đoạn 2016-2020; thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ ĐHGD lần thứ II; xây dựng và phát triển Trường ĐHGD phù hợp với vai trò, vị thế và tình hình cụ thể của đơn vị trong bối cảnh phát triển thế giới và đất nước. Đây là căn cứ để Nhà trường hoạch định các mục tiêu, các chương trình hành động và hệ thống giải pháp chiến lược để đạt được các mục tiêu đã định trong giai đoạn hội nhập sâu rộng, đổi mới căn bản và toàn diện GD.

2. BỐI CẢNH

2.1. Quốc tế và khu vực

Thế giới đang bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên của cuộc CM CN 4.0. Cuộc cách mạng này đang hướng nhân loại bước vào nền văn minh trí tuệ với hai đặc trưng cơ bản là "xã hội thông tin" và "kinh tế tri thức". Nhu cầu ngày càng cao về nhân lực chất lượng cao phục vụ cho công nghiệp 4.0 với sự cạnh tranh khốc liệt của các nền kinh tế tri thức, khiến Giáo dục Đại học (GDDH) - nơi trực tiếp đào tạo nguồn nhân lực bậc cao, cái nôi tạo ra những sản phẩm công nghệ tiên tiến và chuyển giao tri thức, được xem là nền tảng vững chắc để thúc đẩy nhân loại phát triển, giúp nâng cao khả năng cạnh tranh của từng quốc gia. Đầu tư phát triển GDDH hiện đã trở thành xu thế toàn cầu.

CM CN 4.0 mang tới những bước đột phá mới trong GDDH. Sự phát triển công nghệ thông tin (CNTT), công cụ kỹ thuật số, hệ thống mạng kết nối vạn vật và siêu dữ liệu sẽ là những công cụ và phương tiện tốt để thay đổi cách thức tổ chức và phương pháp giảng dạy. Các lớp học truyền thống được thay thế bằng lớp học hỗn hợp, lớp trực tuyến, lớp học ảo... Chất lượng đào tạo trực tuyến được kiểm soát bằng các giải pháp công nghệ mới trên nền tảng kết nối không gian mạng. Người học có thể trải nghiệm học tập, tương tác trong không gian ảo; tài nguyên học tập số trong điều kiện kết nối không gian thật và ảo phong phú, không gian thư viện được khai thác ở mọi nơi, mọi lúc; chương trình đào tạo được thiết kế đa dạng hơn, linh hoạt, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học.

CM CN 4.0 cùng quá trình toàn cầu hóa mạnh mẽ đặt ra những yêu cầu mới về chất lượng GD, việc hội nhập để phát triển là nhu cầu tất yếu của các trường ĐH. Các trường ĐH đẩy mạnh tìm kiếm và khuyến khích hoạt động hợp tác quốc tế qua các chương trình như trao đổi học thuật, trao đổi GV, trao đổi SV, mở chi nhánh ở nước ngoài hoặc liên thông, liên kết giữa các trường ĐH ở nhiều quốc gia khác nhau; đồng

thời chủ động mở rộng hợp tác đối tác toàn cầu. Xu hướng mới được chú trọng phát triển là chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu, gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp và cộng đồng, hợp tác đào tạo theo nhu cầu, hợp tác để NCKH.

Các trường ĐH đứng trước áp lực lớn với sự cạnh tranh toàn cầu, đặc biệt các nước đang phát triển, họ phải chịu áp lực để đảm bảo chất lượng (ĐBCL) GDĐH đạt chuẩn quốc gia và được công nhận trên thế giới. Nhiều nước đang phát triển đã bắt đầu kỹ thuật ĐBCL quốc gia, tiến hành phát triển một chiến lược thích hợp. Với những nỗ lực của các chính phủ, trọng tâm GDĐH thế giới đã có sự chuyển biến lớn. Khi xu hướng toàn cầu hóa được đẩy mạnh cùng với tình hình kinh tế châu Á có nhiều khởi sắc, đã tạo ra những bước đẩy mạnh mẽ giúp GD châu Á không chỉ là nguồn cung cấp du HS cho thị trường GD phương Tây mà đang từng bước trở thành một thể lực mới trong bản đồ GDĐH toàn cầu.

2.2. Trong nước

Hơn 30 năm đổi mới và hội nhập đã làm thay đổi diện mạo nền kinh tế - xã hội Việt Nam (VN). Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao; VN đã trở thành quốc gia có mức thu nhập trung bình. Nền GDĐH VN có những bước phát triển, có những thành tựu đáng ghi nhận, góp phần quan trọng vào nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực cho công cuộc xây dựng, bảo vệ và đổi mới đất nước. Nhưng đồng thời GDĐH đang ẩn chứa rất nhiều yếu kém, bất cập: chất lượng GDĐH còn chuyển biến chậm, chưa thật sự gắn với nhu cầu xã hội, quan tâm đến phát triển số lượng nhiều hơn chất lượng; sự kết nối giữa các trường ĐH và doanh nghiệp trong hoạt động đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ yếu; thiếu thể chế tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho liên kết, mở rộng quyền tự chủ cho một số lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng, phối hợp đào tạo, thương mại hóa kết quả nghiên cứu; GDĐH đang chủ yếu tiếp cận chương trình theo đơn ngành và đa ngành, sử dụng công nghệ ở mức độ giấy, bút, máy tính và máy tính xách tay; phương thức tương tác trong dạy học chủ yếu là một hoặc hai chiều...

Cuộc CM CN 4.0 và hội nhập kinh tế quốc tế đang đặt ra những thách thức lớn đối với Việt Nam. Đó là thách thức tụt hậu xa hơn, khoảng cách công nghệ và tri thức nói rộng hơn dẫn đến phân hóa xã hội sẽ sâu sắc hơn. Nhà nước phải có chiến lược phù hợp; chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp, đặc biệt là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên số; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng KH-CN, tiếp cận thành tựu cách mạng sản xuất mới để tạo ra công cụ đắc lực giúp VN

tham gia hiệu quả chuỗi giá trị toàn cầu và đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trước tình hình đó, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII đã xác định nhiệm vụ trọng tâm “đổi mới căn bản và toàn diện GD&ĐT; phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao”¹

Về định hướng phát triển, Đại hội XII nhấn mạnh chủ trương: GD là quốc sách hàng đầu. Quy hoạch lại mạng lưới cơ sở GD&ĐT gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu phát triển nguồn nhân lực và thị trường lao động. Đổi mới căn bản công tác quản lý GD&ĐT, bảo đảm dân chủ, thống nhất, chất lượng; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở GD&ĐT. Phát triển đội ngũ nhà giáo và CB quản lý GD; đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư để phát triển GD&ĐT. Phấn đấu đến năm 2030, nền GD VN đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.²

Nghị quyết 19-NQ/TW Hội nghị TW 6 Đại hội XII đã đặt ra nhiệm vụ “Sát nhập, hợp nhất hoặc giải thể các trường ĐH hoạt động không hiệu quả, không nhất thiết tình nào cũng có trường ĐH. Sắp xếp, tổ chức lại, tập trung xây dựng một số trường sư phạm trọng điểm để đào tạo đội ngũ giáo viên và quản lý GD. Nhà nước tập trung đầu tư chiều sâu, CSVC, nguồn nhân lực chất lượng cao đối với các trường ĐH công lập ở một số lĩnh vực mang tầm cỡ khu vực và quốc tế.”³

Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 16/2015/NĐ-CP năm 2015 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các trường ĐH công lập. Đặc biệt Luật sửa đổi một số điều của Luật GD ĐH năm 2018 đã được Quốc hội thông qua tăng thêm quyền tự chủ, nhưng kèm theo đó là trách nhiệm buộc các trường phải đổi mới về cơ chế tổ chức và cách thức quản trị ĐH để có thể đứng vững và cạnh tranh được về các sản phẩm đào tạo và nghiên cứu.

Chỉ thị về nhiệm vụ chủ yếu năm học 2018 - 2019 của ngành GD đã xác định có 9 nhiệm vụ cần tập trung thực hiện và 5 nhóm giải pháp đi kèm, trong đó có: Rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở GD&ĐT; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và CB quản lý GD các cấp; Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ; Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong dạy, học và quản lý GD; Đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách

¹ Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII

² Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về các văn kiện Đại hội XII của Đảng

³ Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu BCH TW khóa XII

nhiệm đối với các cơ sở GD&ĐT; Hội nhập quốc tế; Tăng cường CSVC; Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.⁴

Đây là những căn cứ, tiền đề quan trọng để xây dựng và triển khai CLPT Trường ĐHGD đến năm 2025, tầm nhìn năm 2035.

3. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

3.1. Phát triển trường ĐHGD theo định hướng đại học nghiên cứu của ĐHQGHN. Trường ĐHGD phải là trung tâm nghiên cứu và đào tạo và chuyển giao công nghệ giáo dục hàng đầu Việt Nam, từng bước đạt chuẩn khu vực trong đào tạo và nghiên cứu về KHGD, đào tạo giáo viên, CB lãnh đạo, quản lý GD và nhân lực làm việc trong lĩnh vực GD.

3.2. Phát huy những nền tảng đã được gây dựng qua 20 năm xây dựng và trường thành; Phát triển những CTĐT mới mang tính chất liên ngành có ứng dụng công nghệ từ bậc ĐH, tạo ra cơ cấu ngành đào tạo hợp lý giữa ĐH và SDH.

3.3. Đẩy mạnh các nghiên cứu trong các lĩnh vực mà Nhà trường có thế mạnh, nhất là áp dụng công nghệ trong đào tạo sư phạm, quản lý GD, quản trị trường học, tham vấn học đường, đo lường và đánh giá trong GD. Tăng cường đầu tư cho các đề tài NCKH của GV và SV hướng đến sản phẩm cuối cùng. Khuyến khích phát triển các chuỗi đề tài hướng đến các sản phẩm có thể ứng dụng và chuyển giao trong KHGD.

3.4. Chú trọng phát triển hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế, xem đó là nguồn lực quan trọng để phát triển Nhà trường. Liên kết đào tạo quốc tế, kể cả đào tạo giáo viên, CB quản lý, nhà quản trị, nhân viên CNGD, nhân viên tham vấn học đường với các đối tác quốc tế, đặc biệt từ các nước phát triển về GD.

3.5. Phát triển toàn diện và bền vững, áp dụng các giải pháp mang tính KH và CN đột phá trong nghiên cứu KHGD, đào tạo và bồi dưỡng GV, CBQL và nhân lực khác trong lĩnh vực GD.

4. SỨ MẠNG, TẦM NHÌN VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

4.1. Sứ mạng

Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN là cơ sở giáo dục đại học đào tạo và nghiên cứu chất lượng cao và trình độ cao trong khoa học và công nghệ giáo dục, ứng dụng cho đào tạo giáo viên, cán bộ quản lý và các nhóm nhân lực khác trong lĩnh vực giáo dục.

4.2. Tầm nhìn 2035

Trở thành trường đại học định hướng nghiên cứu nằm trong топ đầu của Việt nam về khoa học và công nghệ giáo dục, một số ngành đạt trình độ tiên tiến của châu Á.

⁴ Chỉ thị 2919/CT-BGDĐT về nhiệm vụ chủ yếu năm học 2018-2019 của ngành giáo dục

4.3. Giá trị cốt lõi

Đạo đức, Chuyên nghiệp và Sáng tạo.

4.4. Khẩu hiệu hành động

Người thầy cho ngày mai (Educator for tomorrow)

4.5. Triết lý và mục tiêu giáo dục

Triết lý giáo dục của nhà trường là nhân bản và khai phóng, hướng đến mục tiêu giáo dục là đào tạo người học có nhân cách trưởng thành, vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, có tinh thần chuyên nghiệp, thái độ tận tâm và sự sáng tạo trong công việc.

5. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

5.1. Mục tiêu chung

Trở thành Trường Đại học định hướng nghiên cứu; uy tín trong lĩnh vực đào tạo và bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao KH-CN, đạt các tiêu chí cơ bản của ĐHNC tiên tiến ở VN và trong khu vực; trong đó có một số ngành, lĩnh vực đào tạo đạt trình độ tiên tiến châu Á, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

5.2. Mục tiêu cụ thể

5.2.1. Đào tạo, đảm bảo chất lượng

Tăng dần số chương trình đào tạo (CTĐT) cụ thể: đến năm 2020, đào tạo ĐH từ 8 CTĐT hiện nay lên 13 CTĐT, đào tạo Thạc sỹ từ 11 CTĐT hiện nay lên 16 CTĐT, đào tạo Tiến sỹ từ 3 CTĐT hiện nay lên 4 CTĐT; đến năm 2025, Nhà trường có 13 CTĐT ĐH, 19 CTĐT Thạc sỹ và 6 CTĐT Tiến sỹ; đào tạo ĐH không chính quy từ 1 CTĐT hiện nay lên 4 CTĐT.

Năm 2019 mở rộng thêm cấp Trung học cơ sở (THCS) cho Trường THPT Khoa học Giáo dục. Đến năm 2020, Nhà trường có ít nhất 1 CTĐT chất lượng cao, 1 CTĐT liên kết quốc tế; đến năm 2025, Nhà trường có 3 CTĐT chất lượng cao, 2 CTĐT liên kết quốc tế.

Đến 2025, tổng quy mô đào tạo hệ chính quy mỗi năm tăng trung bình khoảng 10% tùy theo chương trình đào tạo: quy mô đào tạo ĐH tăng từ 58% (1.200 SV) hiện nay lên 68% (3,400SV); quy mô đào tạo Thạc sỹ từ 38% (800HV) hiện nay giảm xuống 24%, quy mô đào tạo Tiến sỹ giữ vững ở mức 4%.

Chỉ tiêu tuyển sinh ĐH ngoài ngành sư phạm tăng dần theo mỗi năm (tối thiểu 50 SV/năm). Quy mô đào tạo sư phạm gia tăng tập trung cho các lĩnh vực đào tạo giáo viên đáp ứng chương trình GD phổ thông mới. Năm 2020 quy mô đào tạo cấp THPT

đạt 900 Học sinh; Năm 2019 tuyển sinh cấp THCS với chỉ tiêu 200 HS; phần đầu mỗi năm tăng tối thiểu 20% chỉ tiêu tuyển sinh cho đến khi đạt mức 360 HS/năm.

Mỗi năm KĐCL ít nhất 2 CTĐT; đến năm 2025, 100% các CTĐT được kiểm định trong đó ít nhất 01 CTĐT được AUN kiểm định. Năm 2021, Trường ĐHGĐ kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học chu kỳ 2 theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT. Đến năm 2025, Trường THPT Khoa học Giáo dục được KĐCL đơn vị theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT và đến năm 2035, tỷ lệ SV có việc làm đúng nghề sau khi tốt nghiệp 1 năm đạt 100%.

5.2.2. Khoa học Công nghệ và Hợp tác phát triển

Hàng năm 100% GV có ít nhất 02 bài báo Khoa học, báo cáo trong nước và quốc tế. Từ năm 2018, mỗi GV trong 3 năm sẽ có 1 bài báo quốc tế thuộc hệ thống ISI và SCOPUS. Năm 2020, số bài báo trong nước của Trường đạt 200, số bài báo quốc tế thuộc hệ thống ISI và SCOPUS đạt 30; Năm 2025, số bài báo trong nước đạt 280, bài báo quốc tế thuộc hệ thống ISI và SCOPUS đạt ít nhất 45 bài.

Đến năm 2020, mỗi năm xuất bản ít nhất 5 cuốn sách chuyên khảo và tổ chức ít nhất 3 hội thảo, hội nghị khoa học quốc gia/quốc tế. Sau năm 2020, mỗi năm xuất bản ít nhất 6 cuốn sách chuyên khảo, trong đó ít nhất 1 sách chuyên khảo bằng tiếng nước ngoài và tổ chức ít nhất 4 hội thảo, hội nghị khoa học quốc gia/quốc tế.

Đến năm 2020 hình thành ít nhất 3 nhóm nghiên cứu trong đó có 2 nhóm được công nhận là nhóm nghiên cứu mạnh cấp ĐHQGHN. Đến năm 2025, Nhà trường có 3 nhóm nghiên cứu mạnh được công nhận cấp ĐHQGHN.

Gia tăng hợp tác trong nước và quốc tế trong nghiên cứu, số chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu trong nước tăng gấp rưỡi hiện nay vào năm 2020 và gấp đôi vào năm 2025. Sau năm 2020, mỗi năm có ít nhất 1 nghiên cứu được chuyển giao, 1 phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích được đăng ký.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, mỗi năm tăng ít nhất 10% số lượt SV, CB của Trường trao đổi học tập, hợp tác nghiên cứu và SV nước ngoài, cán bộ khoa học (CBKH) đến học tập, hợp tác nghiên cứu tại Trường.

5.2.3. Tổ chức cán bộ

Cơ cấu tổ chức Nhà trường theo hướng tinh gọn hành chính, linh hoạt và liên ngành cho các đơn vị đào tạo, phát huy thế mạnh các đơn vị khác trong ĐHQGHN trong mô hình đào tạo (a+b), mô hình Khoa phối thuộc, phối hợp tốt với các đơn vị, đội ngũ GV, chuyên gia trong các đơn vị của ĐHQGHN tham gia các hoạt động đào tạo, nghiên cứu tại Trường. Đến năm 2020 cơ cấu tổ chức của Nhà trường ổn định theo cơ cấu hiện

nay với các Phòng chức năng, Khoa, các Trung tâm, Viện; năm 2020 có: 8 phòng chức năng; 5 Khoa đào tạo với 20 bộ môn; 4 Trung tâm; 1 Viện; phát triển Trường THPT KHGD hiện nay thành Trường Phổ thông liên cấp Khoa học Giáo dục trên cơ sở thành lập khối THCS và kết nối với Trung tâm trải nghiệm. Đến năm 2025 phát triển và nâng cấp 2 Trung tâm thành Viện hợp tác và đào tạo bồi dưỡng; Viện nghiên cứu và ứng dụng KHGD. Trường PT liên cấp Khoa học Giáo dục sẽ phát triển theo mô hình trường nội trú tại Hòa Lạc.

Phát triển đội ngũ CB, GV có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực, kiến thức, kỹ năng đạt chuẩn quốc tế. Quy mô CB, GV tăng hợp lý dựa trên nguồn lực của ĐHQGHN và quy mô phát triển của Nhà trường. Đến năm 2020 quy mô CB của Nhà trường đạt 150 người; năm 2025 sẽ đạt 200 người trong đó CB hành chính chiếm 30%, GV chiếm 70%; tỷ lệ CBKH có trình độ Tiến sỹ, Tiến sỹ Khoa học/ tổng số CBKH đạt 85%; tỷ lệ CBKH có trình độ GS, PGS/ tổng số CBKH: 30%-35%.

Tại Trường THPT liên cấp Khoa học Giáo dục : năm 2020 quy mô CB là 122 người, trong đó: CB hành chính chiếm 20%, Giáo viên chiếm 80%; năm 2025 sẽ đạt 186 người trong đó CB hành chính chiếm 15%, Giáo viên chiếm 85%.

5.2.4. Cơ sở vật chất

Đến năm 2020, Trường ĐHGD tập trung cải tạo, đầu tư, nâng cấp, sử dụng hiệu quả CSVC hiện có ở 3 địa điểm: Khu vực 144 Xuân Thủy; Khu vực 182 Lương Thế Vinh; Khu vực Kiều Mai (đi thuê) với diện tích khu làm việc: 2.000 m²; diện tích giảng đường, phòng học máy tính, phòng thí nghiệm, xưởng thực tập thực hành: 1.162 m²; diện tích Trường THPT Khoa học Giáo dục - khu vực Kiều Mai (đi thuê): 10.000 m²;

Giai đoạn 2020 đến 2025, tầm nhìn 2035 tập trung xây dựng Trường ĐHGD một cách hệ thống, hiện đại và khang trang tại khu vực Hòa Lạc, có CSVC và thiết bị dạy và học theo tiêu chuẩn hiện đại đáp ứng trường ĐHNC. Đồng thời, Trường PT liên cấp Khoa học Giáo dục sẽ phát triển theo mô hình trường nội trú.

Nhà trường sẽ chủ động phối hợp, thúc đẩy tiến độ Dự án đầu tư xây dựng Trường ĐHGD tại Hòa Lạc. Tổng diện tích đất tại Hòa Lạc của Trường khoảng 17,8 hecta, trong đó tổng diện tích xây dựng là 14 hecta, phân bổ: khu giảng đường và phòng làm việc: 7 hecta; khu trải nghiệm sáng tạo: 5 hecta; Trường PT liên cấp Khoa học Giáo dục : 2 hecta; khu cây xanh và lối đi là 3,8 hecta. Trường sẽ tiến hành đầu tư xây dựng CSVC của khu trải nghiệm trước; kế hoạch xây dựng tiếp theo đi theo lộ trình của hai trường: Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn và Trường ĐH Khoa học tự nhiên. Trên cơ sở diện tích đất tại Hòa Lạc và dự kiến phân bổ nêu trên, Năm 2018 Trường

ĐHGD sẽ tiến hành xây dựng quy hoạch chi tiết 1/500 (căn cứ theo quy hoạch tổng thể chung của ĐHQGHN). Để thực hiện mục tiêu này, Trường ĐHGD cần thiết phải có nguồn lực trên cơ sở kêu gọi đầu tư bên ngoài, nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (NSNN) và nguồn tự cân đối của Trường ĐHGD là tiền đề, là điều kiện để hoàn thành kế hoạch đề ra, đảm bảo hoàn thành đồng bộ và phần đầu đưa vào sử dụng theo lộ trình dự kiến năm 2020 – 2021 Trường ĐHGD sẽ bắt đầu chuyển lên Hòa Lạc. Nhà trường sẽ tập trung đầu tư khu trải nghiệm sáng tạo, 01 khu giảng đường, 01 ký túc xá và nhà hiệu bộ trong tổng thể dự án kêu gọi các nhà đầu tư, xã hội hóa GD để thu hút mọi nguồn lực tài chính huy động từ các cá nhân, đoàn thể, tổ chức kinh tế, tổ chức phi chính phủ cùng tham gia đầu tư.

Các chỉ tiêu của Chiến lược phát triển được tổng hợp ở Phụ lục 01.

6. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

6.1. Đào tạo

6.1.1. Tiên phong xây dựng các CTĐT ngoài sư phạm đáp ứng nhu cầu xã hội, đón đầu xu hướng công nghệ trong cuộc CM CN 4.0, tập trung xây dựng CTĐT giáo viên cần cho chương trình GD phổ thông mới.

6.1.2. Nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên, gắn chặt nội dung đào tạo với đổi mới GD, đảm bảo khả năng có việc làm của SV sau tốt nghiệp.

6.1.3. Triển khai có hiệu quả các CTĐT hiện tại; xây dựng và phát triển một số CTĐT dạy bằng tiếng Anh; Tăng cường liên kết quốc tế; tích cực, tiên phong xây dựng các CTĐT mới, liên ngành, có nhu cầu xã hội được quy hoạch như: Giáo dục Kinh tế, Luật; Giáo dục trị liệu và Công tác xã hội.

6.1.4. Tăng cường liên thông về tổ chức quản lý đào tạo, đẩy mạnh triển khai đào tạo tín chỉ, phát triển các CTĐT chất lượng cao và đặc thù, thu học phí tương ứng; xây dựng giải pháp thu hút SV theo học các CTĐT ĐH, SDH; Đổi mới công tác SV, hỗ trợ việc làm và khởi nghiệp cho SV.

6.1.5. Tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp KĐCL và ĐBCL, 100% các CTĐT được kiểm định hoặc đánh giá, nâng cao chất lượng đầu ra và tăng cường khả năng có việc làm của SV, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước.

6.2. Khoa học và Công nghệ

6.2.1. Đẩy mạnh nghiên cứu về KHGD, CNGD đáp ứng các yêu cầu của công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện GD, chương trình giáo dục phổ thông mới, sách giáo

khoa mới, đảm bảo sức khỏe tinh thần học đường, tạo lập môi trường nhà trường an toàn và thân thiện góp phần vào sự phát triển GD&ĐT của ĐHQGHN và của đất nước.

6.2.2. Đầu tư phát triển các hướng nghiên cứu KHGD, CNGD trọng điểm, mũi nhọn, có tầm ảnh hưởng, có tính tích hợp, liên ngành cao đáp ứng những yêu cầu thực tiễn của cuộc CMCN 4.0 trong GD.

6.2.3. Thúc đẩy phát triển các dự án quốc tế.

6.2.4. Đổi mới mô hình quản trị hoạt động KH-CN trong môi trường ĐH thông minh, phát triển các sản phẩm nghiên cứu dựa trên thế mạnh của đơn vị.

6.3. Hợp tác phát triển

6.3.1. Phát huy hiệu quả mọi nguồn lực để thực hiện đa phương hoá và đa dạng hoá trong hợp tác trong nước và quốc tế.

6.3.2. Nâng cao mức độ quốc tế hoá của các CTĐT. Đa số GV có thể giảng dạy, nghiên cứu bằng ngôn ngữ quốc tế.

6.3.3. Phát triển hợp tác trong nước và quốc tế trong đào tạo và NCKH đáp ứng nhu cầu xã hội, tăng cường các chương trình liên kết ĐT, trao đổi GV, SV và công nhận hệ thống văn bằng đào tạo.

6.3.4. Tăng cường kết nối với hoạt động KH-CN quốc tế, phát triển các nhóm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu phối hợp với các đơn vị nước ngoài.

6.4. Tổ chức cán bộ

6.4.1. Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy và mô hình quản trị hệ thống của Trường ĐHGD và các đơn vị trực thuộc.

6.4.2. Thực hiện phát triển cơ cấu tổ chức, nhân lực cho các khoa

6.4.3. Đề xuất các giải pháp phát triển tổ chức cấp bộ môn, khoa tiếp cận theo mô hình của các ĐH định hướng nghiên cứu tiên tiến.

6.4.4. Phát triển đội ngũ CB giảng dạy, nghiên cứu và quản lý đáp ứng yêu cầu, xây dựng phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành về KHGD.

6.5. Cơ sở vật chất

6.5.1. Đẩy nhanh tiến độ Dự án đầu tư xây dựng Trường ĐHGD tại Hòa Lạc.

6.5.2. Cải tạo, đầu tư, nâng cấp CSVC hiện có tại 144 Xuân Thủy và 182 Lương Thế Vinh

7. CÁC GIẢI PHÁP CƠ BẢN

7.1. Đổi mới quản trị đại học, xây dựng văn hóa chất lượng

7.1.1. Phát huy vai trò của Đảng bộ Trường ĐHGD, sự năng động và sáng tạo của các đơn vị, các tổ chức đoàn thể nhằm đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho tất cả CB viên chức, HS-SV hiểu rõ về sứ mệnh, tầm nhìn; những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của Nhà trường trong giai đoạn mới để cùng chung sức phát triển Nhà trường.

7.1.2. Kiến toàn bộ máy quản lý theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, đổi mới công tác quản lý, xây dựng văn hoá chất lượng, văn hoá công sở, tạo dựng môi trường, điều kiện làm việc dân chủ, công bằng, đồng thuận, tiện nghi, phát huy quyền chủ động, sáng tạo, trách nhiệm cao của các đơn vị và cá nhân trong Trường ĐHGD.

Tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý. Cập nhật quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường phù hợp với cơ cấu tổ chức và các thức quản lý mới.

7.1.3. Đổi mới, cải tiến công tác thi đua, khen thưởng, khuyến khích sự cố gắng nỗ lực của mọi cá nhân, đơn vị. Xây dựng văn bản hướng dẫn đánh giá cụ thể phù hợp với tình hình của Nhà trường làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm và khen thưởng. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát nội bộ trong các lĩnh vực hoạt động.

7.1.4. Thực hiện các chương trình KĐCL theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT. Bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác KĐCL có ít nhất một chuyên gia nghiên cứu về KĐCL. Phát triển Trường ĐHGD theo đánh giá đối sánh nhóm chỉ số cốt lõi của ĐHNC.

7.1.5. Thực hiện cải cách và hiện đại hóa công tác hành chính; áp dụng hiệu quả CNTT trong mọi hoạt động. Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh và xây dựng thương hiệu.

7.2. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và phát triển đội ngũ cán bộ

7.2.1. Hoàn thiện và vận hành mô hình ĐHNC, phát triển trường ĐHGD đáp ứng các tiêu chí của ĐH định hướng nghiên cứu.

7.2.2. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo định hướng đào tạo và nghiên cứu chất lượng cao trong lĩnh vực KHGD. Tăng cường vai trò và nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ bộ môn. Tăng cường chất lượng và hiệu quả hoạt động của các trung tâm, xây dựng và phê duyệt thành lập Viện hợp tác và đào tạo bồi dưỡng; Viện nghiên cứu và ứng dụng KHGD.

7.2.3. Phát triển đội ngũ CB giảng dạy, nghiên cứu và quản lý đáp ứng yêu cầu phát triển ĐH nghiên cứu KHGD, đặc biệt là về chất lượng, có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực, kiến thức, kỹ năng đạt chuẩn quốc tế.

7.2.4. Điều chỉnh định biên nhân lực phù hợp với các nhiệm vụ đào tạo được giao, đảm bảo nhân lực tham gia mở các CTĐT mới.

Thực hiện đồng bộ việc rà soát, sắp xếp lại nhân sự thực tế, đồng thời tổ chức tuyển dụng, thu hút và xây dựng các chính sách trọng dụng, đãi ngộ nhà khoa học có trình độ cao, phấn đấu đạt được chỉ tiêu phát triển đội ngũ đến năm 2025 của Trường.

Tiếp tục thực hiện chính sách ưu tiên giao nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu đối với CB trẻ để bồi dưỡng, sớm đạt tiêu chuẩn chức danh PGS, TS.

Đẩy mạnh chính sách đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực, ưu tiên CB thuộc diện quy hoạch lãnh đạo, quản lý; bên cạnh đó, việc triển khai đào tạo – bồi dưỡng đối với các chức danh GV, giáo viên THPT theo các chức danh nghề nghiệp đã được Bộ Nội vụ phê duyệt cần được mở rộng và ĐBCL, uy tín của Nhà trường.

Từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của đội ngũ thông qua việc tạo các công việc có thu nhập cao, cải thiện môi trường làm việc thân thiện, áp dụng các chính sách mang lại cơ hội phát triển và cống hiến cho đội ngũ.

7.2.5. Xây dựng và triển khai Đề án thí điểm về phát triển đội ngũ CBKH (chuyên gia) đầu ngành về KHGD của Trường. Triển khai thí điểm thực hiện chương trình thu hút học giả Quốc tế tại Trường; tham gia tích cực việc thí điểm, thu hút nhà khoa học trình độ cao là người Việt Nam và các du học sinh ở nước ngoài về làm việc, đồng thời hình thành các nhóm nghiên cứu với các nhà khoa học quốc tế để thu hút các đề tài, dự án trong và ngoài nước.

7.2.6. Rà soát lại Quy chế tổ chức và hoạt động gắn với chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc. Tăng cường phân cấp, giao quyền tự chủ hơn nữa cho các đơn vị trực thuộc, đặc biệt là các đơn vị có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

7.3. Hiện đại hóa cơ sở vật chất

7.3.1. Chủ động phối hợp, thúc đẩy tiến độ Dự án đầu tư xây dựng Trường ĐHGD tại Hòa Lạc trên diện tích 17,8 hecta. Trường sẽ tiến hành đầu tư xây dựng CSVC của khu trải nghiệm trước; đề xuất ĐHQGHN kế hoạch xây dựng trường ĐHGD đi theo lộ trình chuyển lên Hòa Lạc của hai trường: Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn và Trường ĐH Khoa học tự nhiên. Đẩy mạnh các dự án tăng cường năng lực; kêu gọi các nhà đầu tư, xã hội hóa GD để xây dựng trường ĐHGD một cách hệ thống, hiện đại và khang trang, có CSVC và thiết bị dạy và học đạt tiêu chuẩn hiện

đại đáp ứng trường ĐHNC. Đồng thời, Trường PT liên cấp Khoa học Giáo dục sẽ phát triển theo mô hình trường nội trú. Dự kiến năm 2020 – 2025, Trường ĐHGD sẽ bắt đầu chuyển lên Hòa Lạc.

7.3.2. Cải tạo, đầu tư, nâng cấp CSVC hiện có ở 3 địa điểm: Nhà G7, B2, C0 – ĐHQGHN, khai thác và sử dụng có hiệu quả để đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu trong thời gian chờ chuyển lên Hòa Lạc. Chuyển đổi các cơ sở theo mô hình khu nghiên cứu KH-CN, để tạo nguồn lực phát triển CSVC tại Hòa Lạc, khai thác các cơ sở nhằm mục đích duy trì các giá trị văn hóa, truyền thống, thương hiệu của Trường ĐHGD; đồng thời để phục vụ công tác đào tạo SDH, giúp HV thuận lợi hơn trong quá trình học tập, nghiên cứu.

7.3.3. Quy hoạch, xây dựng và triển khai có hiệu quả các dự án đầu tư chiều sâu, nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu tương thích, phù hợp với mục tiêu và kế hoạch phát triển đào tạo, KH-CN.

- Tiếp tục đầu tư các phòng thí nghiệm phục vụ công tác giảng dạy, thực hành môn học; các phòng nghiên cứu, đánh giá phục vụ công tác NCKH của Trường.

- Xây dựng hệ thống các phòng nghiên cứu và phát triển học liệu số, thí nghiệm thực ảo theo chuẩn quốc tế phù hợp với mô hình đào tạo sư phạm, gắn kết đào tạo nghiên cứu và chuyển giao CNGD.

- Tất cả các phòng học của Trường sẽ đáp ứng được yêu cầu về công nghệ hiện đại về học tập của SV, HV cũng như công tác giảng dạy của GV.

- Xây dựng hệ thống phòng họp trực tuyến thông minh hiện đại, góp phần giảm bớt thời gian, công sức, tăng năng suất làm việc.

7.3.4. Phát triển nguồn cơ sở học liệu và tài nguyên số để phục vụ học tập, nghiên cứu cũng như góp phần tăng chất lượng trong công tác giảng dạy, bảo đảm nguồn chi phí mua bổ sung học liệu, tài liệu tham khảo.

7.3.5. Đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng CNTT theo chuẩn số hóa, toàn diện và thống nhất, vận hành an toàn - tin cậy - ổn định, phục vụ cho việc đào tạo và NCKH, đáp ứng CLPT chung của ĐHGD - ĐHQGHN, khu vực và trên thế giới. Ứng dụng và liên tục cập nhật, hoàn thiện các phần mềm phục vụ giảng dạy, học tập, NCKH và trong quản lý GD&ĐT. Nâng cấp hệ thống website của Nhà trường và tích cực xây dựng các hệ thống phần mềm quản lý, tích hợp với website của Nhà trường. Nâng cao năng lực quản trị CNTT.

7.4. Gia tăng nguồn lực tài chính

7.4.1. Phát triển các CTĐT chất lượng cao, đạt chuẩn quốc tế để thu học phí tương thích với chất lượng đào tạo; duy trì quy mô đào tạo SDH; tăng cường phát triển các CTĐT liên kết với các trường ĐH khác, các địa phương để tăng nguồn thu cho Trường, cho CB viên chức..

7.4.2. Tăng cường chuyển giao chất xám, đẩy mạnh các nhóm NCKH, hợp tác NCKH với các đơn vị ngoài Trường, trong nước và quốc tế, giữa các đơn vị trong Trường và giữa các cá nhân trong một đơn vị, tăng cường chuyển giao nhằm thu hút vốn đầu tư của Nhà nước, của các tổ chức trong và ngoài nước.

7.4.3. Thành lập các Viện, Trung tâm NCKH để thực hiện các hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ và phối hợp phát triển sản phẩm ứng dụng; thúc đẩy các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ (phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích) để tăng nguồn thu sự nghiệp.

7.4.4. Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích tài chính để tạo động lực cho các đơn vị trực thuộc, GV, CB nhân viên, cộng tác viên, đối tác tích cực tạo nguồn thu cho Trường.

7.4.5. Tự chủ ĐH, xây dựng phương án tài chính sử dụng một phần kinh phí sự nghiệp, vốn xã hội hóa, vay vốn và trả lãi ngân hàng từ các ngân hàng thương mại để xây dựng phương án xây dựng cơ sở mới tại Hòa Lạc phù hợp với kế hoạch chung của ĐHQGHN.

7.5. Tăng cường chất lượng và hiệu quả hoạt động hợp tác phát triển

7.5.1. Xây dựng môi trường, cơ chế, thủ tục và chính sách phù hợp để phát triển quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước trên nguyên tắc các bên cùng có lợi, thu hút các nguồn lực để phát triển Trường ĐHQGHN. Đổi mới công tác quản lý theo hướng có sản phẩm đầu ra cụ thể.

7.5.2. Thiết lập các mối quan hệ đào tạo và NCKH liên kết với các đối tác nước ngoài; các chương trình trao đổi GV, HS - SV và các học giả, trao đổi CTĐT và công nhận hệ thống văn bằng đào tạo. Tăng cường các đầu mối quan hệ hợp tác quốc tế mới để có được thêm nhiều nguồn tài trợ học bổng, CSVC, trang thiết bị, tài liệu sách vở và chất xám phục vụ công tác đào tạo và NCKH. Hình thành trung tâm du học tại chỗ các chuyên ngành thuộc KHGD và quản lý GD trong khu vực và thế giới.

7.5.3. Tăng cường kết nối các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, hợp tác và chuyển giao tri thức với các đối tác, các địa phương trong cả nước và các trường ĐH, viện

ngiên cứu trong nước và nước ngoài. Khai thác, huy động các nguồn tài trợ và sự giúp đỡ của các tổ chức phục vụ công tác đào tạo và NCKH.

7.6. Giải pháp Khoa học công nghệ:

7.6.1. Đổi mới cơ chế hoạt động khoa học công nghệ

- Đa dạng các phương thức giao đề tài KH-CN cấp cơ sở (đặt hàng, tuyển chọn, giao trực tiếp).

- Hỗ trợ nhà khoa học chuyển giao sản phẩm có những ứng dụng thực tiễn đóng góp sự phát triển GD.

- Khuyến khích công bố quốc tế, các nhà khoa học tham gia chủ trì, tìm kiếm tài trợ, đăng cai sự kiện KH-CN.

- Khuyến khích, hỗ trợ các nhà khoa học tham gia đề tài các cấp đặc biệt là các đề tài cấp nhà nước, với các địa phương, tổ chức trong và ngoài nước.

7.6.2. Tập trung xây dựng những nhóm nghiên cứu mạnh và phát triển đội ngũ CB đầu đàn, đầu ngành chất lượng cao

- Thực hiện tốt đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, đặc biệt là các đề tài cấp Nhà nước từ các Quỹ khoa học, Chương trình nghiên cứu về KHGD.

- Xây dựng và phát triển các nhóm nghiên cứu trong các lĩnh vực của các khoa chuyên môn, tăng cường các hoạt động học thuật của tổ bộ môn.

- Kien toàn lại các trung tâm nghiên cứu, hỗ trợ 1 đến 2 năm để các trung tâm hoạt động thực sự hiệu quả.

- Có chính sách đối với nhóm nghiên cứu tiềm năng, hỗ trợ các nhóm nghiên cứu qua các đề tài dự án của Nhà trường

- Tạo dựng môi trường nghiên cứu, thúc đẩy sáng tạo, tự do học thuật, đề cao đạo đức nghiên cứu.

- Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách thu hút, khuyến khích, tôn vinh đãi ngộ các nhà khoa học có trình độ cao tham gia hoạt động NCKH của Nhà trường.

7.6.3. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học

- Đổi mới phương thức tổ chức NCKH của SV, học viên SDH.

- Gắn hoạt động đào tạo SDH với NCKH nhằm nâng cao chất lượng đào tạo SDH.

- Xây dựng cơ chế để nghiên cứu sinh, học viên cao học tham gia và thực hiện NCKH trong các đề tài cơ sở hay các đề tài tại địa phương.

- Thúc đẩy các diễn đàn sinh hoạt học thuật cho SV, sử dụng hiệu quả không gian khởi nghiệp sáng tạo.

- Khuyến khích công bố quốc tế đối với người học.

7.6.4. Đẩy mạnh hợp tác trong và ngoài nước về NCKH, chuyển giao công nghệ.

- Tổ chức các chương trình nghiên cứu gắn với các hội đồng chuyên môn để tạo sản phẩm khoa học có tính ứng dụng cao và có tác động xã hội lớn.

- Liên kết với các tổ chức trong và ngoài nước cùng nghiên cứu lý luận và thực tiễn quốc tế và áp dụng vào thực tiễn GD tại Việt Nam;

- Tăng cường tổ chức, tham gia các hội thảo, hội nghị chuyên đề về GD&ĐT, bồi dưỡng giáo viên, và QLGD.

7.6.5. Đổi mới mô hình quản trị hoạt động KH-CN trong môi trường ĐH thông minh: Xây dựng dự án về nhân lực KHCN, các sản phẩm KHCN, nguồn vốn KHCN, đối tác KHCN; Xác lập mô hình quản trị hoạt động KHCN trong môi trường ĐH thông minh bao gồm: các quy trình quản lý online và kiến trúc công nghệ thông tin tương ứng; Đầu tư phát triển cơ sở dữ liệu KH-CN, hạ tầng CNTT, phần mềm quản lý.

8. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

8.1. Phổ biến kế hoạch chiến lược

8.1.1. Phổ biến sâu rộng các nội dung của CLPT đến tất cả các bộ phận trong đơn vị và toàn thể công chức, viên chức, người lao động, HS, SV, HV SDH. In thành tài liệu chính thức ngắn gọn các chỉ tiêu và các giải pháp, đưa vào nội dung sinh hoạt chính trị, chuyên môn của các đơn vị bộ phận.

8.1.2. Giới thiệu rộng rãi CLPT Trường ĐHGD đến năm 2025 tầm nhìn 2035 để các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đối tác trong nước và quốc tế biết, chủ động hợp tác.

8.2. Tổ chức thực hiện

8.2.1. Báo cáo và đề nghị ĐHQGHN quan tâm, chỉ đạo, hỗ trợ để Trường ĐHGD thực hiện thành công CLPT Trường ĐHGD đến năm 2025 tầm nhìn năm 2035.

8.2.2. Ban Giám hiệu chỉ đạo tổ chức xây dựng Kế hoạch phát triển và Kế hoạch hoạt động chi tiết, các chương trình, dự án cấp thiết cho từng chương trình chiến lược, từng lĩnh vực của từng năm, từng giai đoạn phát triển để xác định các chỉ tiêu cụ thể phù hợp với lộ trình thực hiện CLPT.

8.2.3. Đôn đốc, kiểm tra, giám sát các bộ phận trong Trường triển khai thực hiện kế hoạch hàng năm của đơn vị mình, đảm bảo đạt được các mục tiêu, các chỉ tiêu kế hoạch chiến lược Trường ĐHGD đến năm 2025 tầm nhìn 2035.

8.2.4. Hàng năm tổ chức sơ kết, đánh giá việc thực hiện CLPT (vào dịp tổ chức hội nghị CBVC và tổng kết năm học) để đánh giá, xác định và điều chỉnh kịp thời, bổ

sung các chỉ tiêu kế hoạch và xây dựng kế hoạch hoạt động năm tiếp theo của Nhà trường cho phù hợp với CLPT và bối cảnh thực tiễn. Việc kiểm điểm đánh giá công việc hàng năm cần tập trung vào các chương trình chiến lược của Trường ĐHGD.

8.2.5. Chủ động huy động và phát triển các nguồn lực để tổ chức thực hiện kế hoạch nhằm đạt được các chỉ tiêu đã được Hiệu trưởng Trường ĐHGD phê duyệt.

8.2.6. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Kế hoạch chiến lược: là bộ phận chịu trách nhiệm chính trong việc điều phối quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch chiến lược.

8.3. Lộ trình thực hiện

CLPT Trường ĐHGD đến năm 2025 tầm nhìn 2035 được thực hiện thông qua các kế hoạch giai đoạn 2019-2021; 2022-2025 và được cụ thể hóa thành Kế hoạch, nhiệm vụ năm học của Nhà trường; được phổ biến rộng rãi đến từng bộ phận trong toàn Trường. Tổ chức thực hiện thắng lợi CLPT đến năm 2025 tầm nhìn 2035 là nhiệm vụ trọng tâm của Trường ĐHGD – ĐHQGHN.

CLPT Trường ĐHGD đến năm 2025 tầm nhìn 2035 được thực hiện qua hai giai đoạn với 2 kế hoạch:

- Kế hoạch 2019 – 2020: Triển khai thực hiện phát triển trong giai đoạn chuẩn bị cho việc chuyển một số bộ phận đến cơ sở mới tại Hòa Lạc vào giai đoạn 2021-2022. Đây là giai đoạn tập trung xây dựng một số đơn vị và một số lĩnh vực có chất lượng tiệm cận với các trường ĐH tiên tiến của thế giới.

- Kế hoạch 2023– 2025: Đây là giai đoạn triển khai đồng bộ các giải pháp để hoàn thành các chỉ tiêu của kế hoạch chiến lược.

Đến năm 2025 sẽ tổ chức đánh giá toàn diện CLPT của Nhà trường, làm căn cứ cho việc xây dựng và thực hiện CLPT cho giai đoạn tiếp theo.

HIỆU TRƯỞNG 



GS.TS. NGUYỄN QUÝ THANH

PHỤ LỤC
CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

Chiến lược phát triển Trường Đại học Giáo dục đến năm 2025 tầm nhìn 2035

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu		
		2018	2020	2025
1	ĐÀO TẠO			
1.1	Chỉ tiêu tuyển sinh (người)			
a	Phổ thông:	300	500	660
-	Tuyển sinh Trung học cơ sở	-	200	360
-	Tuyển sinh Trung học phổ thông	300	300	300
b	Chính quy ĐH, SDH trong đó:	770	1,180	1,490
-	Tuyển sinh Đại học	340	650	850
-	Tuyển sinh Thạc sỹ	400	500	600
-	Tuyển sinh Tiến sỹ	30	30	40
c	ĐH hệ vừa làm vừa học	150	150	150
1.2	Quy mô đào tạo (người)			
a	Phổ thông:	670	3,890	2,340
-	Trung học cơ sở	-	400	1,440
-	Trung học phổ thông	670	900	900
b	Chính quy ĐH, SDH trong đó:	2,090	3,750	5,020
-	Đại học chính quy	1,200	2,600	3400
-	Thạc sỹ	800	1,000	1,200
-	Tiến sỹ	90	90	120
c	ĐH hệ vừa làm vừa học, bằng 2	70	200	300
1.3	Đào tạo các chương trình đặc biệt, chất lượng cao			
-	Tỷ lệ SV Tài năng, CLC, Tiên tiến, NVCL/tổng quy mô đào tạo chính quy (ĐH, SDH)	-	10%	20%
-	Tỷ lệ SV, HV liên kết quốc tế/tổng quy mô đào tạo chính quy (ĐH, SDH)	-	0,75%	1.5%
1.4	Phát triển năng khiếu và bồi dưỡng nhân tài			
-	Số giải thưởng NCKH cấp ĐHQGHN và tương đương trở lên/năm	1	1	1
-	Số giải Olympic quốc tế, cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế của HS-SV	-	-	1

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu		
		2018	2020	2025
1.5	Tỷ lệ người học/ giảng viên cơ hữu	14	18	20
1.6	Cơ cấu ngành đào tạo giữa các nhóm lĩnh vực			
-	Giáo dục, sư phạm	100%	100%	100%
-	Thí điểm	17%	20%	20%
2	KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG			
2.1	Kiểm định chất lượng và đào tạo nguồn nhân lực quốc tế			
-	Tỷ lệ CTĐT đã được kiểm định, trong đó: Tỷ lệ CTĐT đã được kiểm định quốc tế	9% -	62.5% -	100% 11%
-	Tỷ lệ CTĐT bậc ĐH (trên tổng CTĐT bậc ĐH) đủ điều kiện phải đạt được KĐCL quốc tế	-	-	35%
-	Tỷ lệ CTĐT bậc ĐH (trên tổng CTĐT bậc ĐH); có chứng nhận KĐCL đã hết hạn phải đánh giá lại	-	-	50%
-	Tỷ lệ CTĐT bậc Thạc sỹ (trên tổng CTĐT bậc ThS) phải được KĐCLGD	0.2%	36.4%	25%
-	Số lượng CTĐT được kiểm định theo chuẩn quốc gia (Bộ GD&ĐT)	10%	62.5%	100%
-	Số các đơn vị được đánh giá theo tiêu chí ĐHNC	1	1	1
2.2	Nâng cao khả năng có việc làm cho SV			
-	Tỷ lệ SV có việc làm đúng nghề sau khi tốt nghiệp 1 năm	82%	83%	90%-100%
-	Tỷ lệ SV tiếp tục học tập, nghiên cứu hoặc làm việc trong môi trường quốc tế	2%	3%	5%
3	NGHIÊN CỨU KHOA HỌC			
3.1	Số bài báo khoa học			
-	Trong nước	166	200	280
-	Quốc tế	19	40	55
-	Quốc tế thuộc hệ thống ISI và SCOPUS	15	30	45
3.2	Sách chuyên khảo			
-	Tiếng Việt	5	5	6
-	Tiếng nước ngoài	-	-	1
3.3	Phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc tư vấn chính sách			
-	Phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích	-	1	2
-	Hợp đồng tư vấn, giải pháp KHCN cấp ĐHQGHN	-	1	2
3.4	Sản phẩm công nghệ hoàn chỉnh được chuyển giao cấp ngành và quốc gia	-	1	2

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu		
		2018	2020	2025
3.5	Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu (cấp ĐHQGHN trở lên)/năm			
-	Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu trong nước	4	5	6
-	Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu quốc tế	2	2	4
3.6	Phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu			
-	Cấp ĐHQGHN trở lên	1	1	1
-	Hợp tác doanh nghiệp	-	-	1
-	Hợp tác quốc tế	-	-	-
3.7	Số doanh nghiệp, vườn ươm KHCN được thành lập	-	-	-
3.8	Số lượng giải thưởng KHCN quốc gia, quốc tế/năm	2	2	4
4	HỘI NHẬP QUỐC TẾ			
4.1	Hội nhập theo tiêu chí Đại học nghiên cứu			
-	Tỷ lệ kinh phí Đào tạo/Nghiên cứu khoa học/Dịch vụ	7.2/1/1.8	6.5/1.5/2	5/3/2
4.2	Mức độ quốc tế hóa			
	Tỷ lệ Giảng viên quốc tế (%) (Định nghĩa theo QS: GV là người nước ngoài đến đơn vị giảng dạy ít nhất 01 tín chỉ có chứng chỉ, hoặc 3 tháng/năm học hoặc 01 học kỳ/năm học có chứng chỉ)	2%	4%	8%
	Tỷ lệ SV quốc tế (%) (Định nghĩa theo QS: SV quốc tế là SV, học viên, NCS nước ngoài đến học tập tại đơn vị hệ chính quy và lấy bằng)	0.24%	1%	3%
-	Tỷ lệ SV trao đổi (đi) (Định nghĩa theo QS: SV/người học của đơn vị đi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài được công nhận 01 tín chỉ trở lên)	1%	2%	3%
-	Tỷ lệ SV quốc tế trao đổi (đến) (Định nghĩa theo QS: SV/người học nước ngoài đến đơn vị học tập, nghiên cứu được công nhận 01 tín chỉ trở lên)	1%	2%	3%
-	Số lượt CB đi trao đổi khoa học và giảng dạy ở nước ngoài/năm	40	50	80
-	Số lượt CBKH nước ngoài đến trao đổi KH và giảng dạy/năm	25	32	50
4.3	Số CTĐT cấp bằng của Trường ĐHGĐ ở nước ngoài	-	-	-
4.4	Số chương trình liên kết đào tạo quốc tế	-	1	2

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu		
		2018	2020	2025
5	TỔ CHỨC CÁN BỘ			
5.1	Kiến toàn cơ cấu tổ chức			
-	Thành lập mới, nâng cấp đơn vị thành viên	-	2	4
5.2	Phát triển đội ngũ cán bộ			
a	Trường Đại học Giáo dục			
-	Tổng số cán bộ (CCVC, NLĐ)	119	200	250
-	Số lượng CBKH	84	140	190
-	Tỷ lệ CBKH có trình độ TS, TSKH	83%	84%	85%
-	Tỷ lệ giáo sư, phó giáo sư/CBKH	28%	33%	35%
-	Tỷ lệ CBKH có bài báo, công trình khoa học được đăng hoặc công bố trong các tạp chí KH, kỹ yếu và hội thảo quốc tế	18%	30%	100%
b	Trường PT liên cấp Khoa học giáo dục			
-	Tổng số cán bộ (CCVC, NLĐ)	55	122	186
-	Số lượng giáo viên	42	98	159
-	Số lượng cán bộ hành chính	14	24	18
6	TÀI CHÍNH VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT			
6.1	Tài chính			
-	Tỷ lệ nguồn thu tăng so với năm trước	2%	4%	7%
-	Tỷ lệ nguồn thu sự nghiệp/tổng nguồn KP HĐTX (bao gồm NSNN cho GD-ĐT và nguồn thu SN)	40%	50%	60%
-	Mức tăng thu nhập của cán bộ	3%	7-10%	7-10%
6.2	Cơ sở vật chất			
-	Kinh phí đầu tư cho Phòng thí nghiệm/CBKH/năm	-	-	-
-	Diện tích xây dựng tại Hòa Lạc (hecta)	-	-	17.8
	+ Khu trải nghiệm sáng tạo	-	-	5
	+ Khu giảng đường và phòng làm việc	-	-	7
	+ Trường PT liên cấp Khoa học Giáo dục	-	-	4
	+ Khu vực cây xanh, sân chơi, bãi đỗ xe...	-	-	3.8
-	Diện tích khu vực G7, B2, C0, Kiều Mai (hecta)	1.32	1.32	0.32
	+ Khu làm việc	0.2	0.2	0.2
	+ Giảng đường, Phòng học máy tính, Phòng thí nghiệm, xưởng thực tập thực hành	0.12	0.12	0.12
	+ THIPT Khoa học Giáo dục (tại Kiều Mai – đi thuê)	1	1	-